

Bản án số: 28/2019/HSST
Ngày 13-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ An Toàn

Ông Nguyễn Anh Đắc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2019/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/HSST- QĐXX ngày 27 tháng 02 năm 2019, đối với bị cáo:

Hồ Tấn P (tên gọi khác: S), sinh năm 1986 tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nơi đăng ký HKTT: không đăng ký; Nơi ở: số 38 đường K, Phường T, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: lơ xe; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ A T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân Quận X, TP Hồ Chí Minh tuyên phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2012, bị Tòa án nhân dân TP T tuyên phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các phần khác của bản án;

Bị cáo bị bắt ngày 07-11-2018, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T (có mặt).

Bị hại: Ông Nguyễn S, sinh năm 1949; Nơi cư trú: số 45/17 đường T, Phường T, thành phố T, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 06-11-2018, Hồ Tấn P đi xe buýt từ trung tâm TP T đến nhà bạn tại đường C, Phường N, TP T chơi, đến ngã ba đầu

khí P xuống xe đi bộ. Khi đi ngang qua tiệm tạp hóa tại số 02 đường N, Phường N, TP T, P thấy tiệm mở cửa không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. P đi vào trong nhà tìm tài sản thì P hiện thấy trong tủ kính có 01 chiếc hộp nhựa để card điện thoại, P lấy số card này rồi bỏ đi thì bị chủ nhà là ông Tạ Ngô Q phát hiện bắt quả tang giao cho Công an phường N. Số card điện thoại gồm các hãng Vinaphone, Mobiphone và Viettel có mệnh giá 100.000 đồng, 50.000 đồng và 20.000 đồng. Tổng giá trị là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Hồ Tấn P khai nhận trước đó còn thực hiện hành vi trộm cắp như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 20-10-2018, P đi bộ ngang qua địa chỉ số 45/17 đường T, Phường T, TP T thì P hiện chiếc xe mô tô biển số 72L7-1748 của ông Nguyễn S để trong S nhà không có người trông coi đồng thời cửa cổng khép, không khóa nên P nảy sinh ý định trộm chiếc xe trên. Sau khi quan sát không có ai, P mở cửa vào nơi chiếc xe đang dựng, lấy chìa khóa trong túi P chuẩn bị từ trước tra vào ổ khóa xe thấy mở được nên P dẫn xe ra ngoài rồi nổ máy tẩu thoát. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày P mang chiếc xe mô tô trên gửi tại bãi giữ xe bệnh viện Lê Lợi, phường 1, TP T. Đến ngày 24-10-2018, P đến lấy xe nhưng do P không nhớ là xe nào nên dặt nhầm do đó nhân viên giữ xe nghi ngờ không cho lấy xe đồng thời giữ lại phiếu giữ xe. Hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe máy trên cùng với phiếu giữ xe mà P đã gửi.

Tại kết luận định giá tài sản số 230/KL-PTCKH ngày 21-11-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP T xác định chiếc xe mô tô hiệu SCR biển số 72L7-1748 trị giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Đối với xe mô tô biển số 72L7-1748 thu giữ tại bãi giữ xe của bệnh viện Lê Lợi, Cơ quan CSĐT Công an TP T đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho ông Nguyễn S. Ông S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với vụ việc Hồ Tấn P trộm cắp tài sản của ông Tạ Ngô Q là số card điện thoại có giá trị dưới 2.000.000 đồng nên Cơ quan CSĐT Công an TP T ra quyết định xử phạt hành chính đối với P về hành vi này. Ông Tạ Ngô Q đã nhận lại số card điện thoại nên không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 17-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Hồ Tấn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 17 giờ ngày 20-10-2018, tại số nhà 45/17 đường T, Phường T, thành phố T, Hồ Tấn P có hành vi trộm cắp của ông Nguyễn S một xe mô tô biển số 72L7-1748 trị giá 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Bị cáo đã hai lần bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm, lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản đã mất và không có yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Hồ Tấn P** (tên gọi khác: S) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt **Hồ Tấn P** (tên gọi khác: S) **01 (một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

4. Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Thi hành án dân sự thành phố T;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố T;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga